

Số: 98/2026/QĐST-DS

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 458/2026/TLST-DS ngày 01/7/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

XÉT THẤY:

.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. **CÔNG TY CỔ PHẦN J** (JUPITER)

Mã số doanh nghiệp: 0110652086 do **Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H** cấp lần đầu ngày 18/03/2024 và các văn bản điều chỉnh tại từng thời kỳ.

Địa chỉ: **Tầng A, Tòa nhà C, Số B phố T, Phường Y, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh T** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Huy M** – Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ (Theo văn bản Ủy quyền số 08/2026/UQ-TGD ngày 11/05/2026 của Ông **Hoàng Anh T**).

Người được ông **Phan Huy M** ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 28106/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 15/6/2026:

- Ông **Phường Trường M1** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

CCCD số: 024087018404 do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/9/2022.

Địa chỉ: **Tầng D, Tòa nhà V, Số B N, phường B, tỉnh Bắc Ninh.**

2. **NGÂN HÀNG TMCP V1 (V2)**

Mã số doanh nghiệp: 0100233583 do **Sở K** cấp lần đầu ngày 08/09/1993, và các văn bản thay đổi tại từng thời kỳ.

Địa chỉ: **Tòa V, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Như G**

Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2 (Theo Văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/03/2026 của ông **Ngô Chí D**).

Người được ông **Nguyễn Như G** ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 76948/2026/UQN-VPBANK ngày 15/6/2026.

- Ông **Nguyễn Phạm Văn A** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.SĐT: 0816.868.863.

CCCD số: 001095016307 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 16/5/2023.

- Ông **Đặng Văn V** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

CCCD số: 024099011173 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 31/7/2024.

Địa chỉ: **Tầng A, Tòa nhà C, số B T, phường Y, thành phố Hà Nội.**

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1974.

CCCD số: 024074011280 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 17/12/2021.

Địa chỉ: **Thôn T, Xã H, Tỉnh Bắc Ninh.**

2. Bà **Nguyễn Bảo N**, sinh năm: 1978

CCCD số 024178012404 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 17/12/2021

Địa chỉ: **Thôn T, Xã H, Tỉnh Bắc Ninh.**

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến ngày 14/8/2026 ông **Nguyễn Văn L**, bà **Nguyễn Bảo N** còn nợ **Công ty cổ phần J** tổng cộng: 1.004.644.963 đồng trong đó nợ gốc: 680.940.916 đồng; Nợ lãi + Lãi chậm trả lãi: 323.704.04 đồng và các khoản lãi phát sinh.

Chậm nhất đến ngày 14/10/2026 ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Bảo N trả toàn bộ số nợ cho Công ty cổ phần J là 1.004.644.963 đồng (Một tỷ bốn không trăm lẻ tư triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) và các khoản lãi phát sinh sau ngày 14/8/2026.

2. Tính đến ngày 14/8/2026 ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Bảo N còn nợ Ngân hàng TMCP V1 tổng cộng: 111.627.219 đồng trong đó nợ gốc: 75.660.102 đồng; nợ lãi và lãi chậm trả: 35.967.117 đồng và các khoản lãi phát sinh.

Chậm nhất đến ngày 14/10/2026 ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Bảo N trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP V1 là 111.627.219 đồng (Một trăm mười một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm mười chín đồng) và các khoản lãi phát sinh sau ngày 14/8/2026.

Kể từ ngày kể tiếp sau ngày hoà giải 14/8/2026, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần J.

Trường hợp ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Bảo N không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần J toàn bộ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần J có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 81, tờ bản đồ số: 21, diện tích 538,6m² tại địa chỉ: Thôn C, Xã L, Huyện H, Tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh) do Sở T1 cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CR034839, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00142 cấp ngày 09/04/2019 mang tên ông Nguyễn Văn L. Theo Hợp đồng thế chấp số: 5925/2021 ký ngày 18/11/2021. Số công chứng: 5925/2021. Quyền số: 06/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1, tỉnh Bắc Giang và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ký ngày 02/06/2023 (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số: 5925/2021 ký ngày 18/11/2021). Số công chứng: 1715. Quyền số: 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản không đủ trả nợ, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Bảo N có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần J phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Bảo N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 22.744.082 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V1 2.636.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 0006331 ngày 29/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Hoàn trả Công ty cổ phần J 20.230.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 0006328 ngày 29/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân KV2 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trường